

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 41/2018/HNGĐ - ST  
Ngày 01/10/2018  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Là

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Kim Cúc – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2018 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX- ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Đức Minh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

- **Bị đơn:** Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

*(Tại phiên tòa vắng mặt anh T, chị D)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Đức Minh T trình bày: Anh và chị Phạm Thị D kết hôn ngày 08/5/2009 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh ở thôn thân T, xã Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị D thường xuyên có thái độ không tôn trọng bố mẹ chồng. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh đã tìm các biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, chị D vẫn không thay đổi. Nay xét

thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được nữa vì những mâu thuẫn quá trầm trọng anh xin được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Đức Quang T, sinh ngày 07/7/2011, ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị D và anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng. Nếu chị D không nuôi con thì anh xin nuôi con và không yêu cầu chị D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Đức Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh T ở thôn thân T, xã Đ. Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đi làm ăn xa có tình cảm với người khác nên không quan tâm đến vợ con, không đưa tiền cho chị nuôi con, bốn lần anh T đòi làm đơn xin ly hôn chị. Anh T coi thường nhà vợ, không tôn trọng mẹ vợ, gặp mẹ đẻ chị ở ngoài đường nhưng anh T coi như người không quen biết. Điều đó chứng tỏ anh T sống không còn tình cảm gì với chị. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đức Quang T, sinh ngày 07/7/2011, ly hôn chị xin nuôi con chung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Đức Minh T vắng mặt.
- Bị đơn chị Phạm Thị D vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – anh Đức Minh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn – chị Phạm Thị D đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đức Minh T: Cho anh T được ly hôn chị Phạm Thị D. Về con chung: Giao con chung Đức Quang T, sinh ngày 07/7/2011 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đức Minh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa anh T và chị D.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đức Minh T và chị Phạm Thị D đều thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Anh Đức Minh T và chị Phạm Thị D có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T, chị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh T cho rằng chị D có thái độ không tôn trọng bố mẹ chồng. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh đã tìm các biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, chị D vẫn không thay đổi. Chị D cho rằng anh T coi thường gia đình nhà chị, không tôn trọng mẹ chị, gặp mẹ chị ở ngoài đường anh coi như người không quen biết. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì mâu thuẫn giữa anh T và chị D là có do anh T đi làm ăn xa không quan tâm nhiều đến vợ con. Tòa án nhiều lần triệu tập chị D đến Tòa án làm việc nhưng chị D không đến Tòa án và chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xử cho anh T được ly hôn chị D là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị D có 01 con chung là Đức Quang T, sinh ngày 07/7/2011. Ly hôn chị D xin nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý để chị D nuôi con và anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01tháng, cháu Đức Quang T có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần giao con Đức Quang T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị D 1.000.000đồng/01 tháng là phù hợp cần chấp nhận. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, do đó Tòa án không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa anh T và chị D.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh T, chị D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Đức Minh T được ly hôn chị Phạm Thị D.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung Đức Quang T, sinh ngày 07/7/2011 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đức Minh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị D là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Đức Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí:** Anh Đức Minh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000đồng anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007730 ngày 23/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

**5. Về quyền kháng cáo:** Anh Đức Minh T và chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Đường sự, UBND xã Đ
- Lưu

**Phạm Thị Lan Phương**